

Bia gia tộc và một số khía cạnh của văn hóa gia tộc ở Việt Nam

Phạm Minh Đức^(*)

Tóm tắt: Bia gia tộc (bia dòng họ) là loại bia quý trong mỗi gia đình ở Việt Nam. Trước năm 1945, hầu hết các dòng họ đều có loại bia này, bia thường được dựng vào những dịp dòng họ có việc lớn như xây dựng từ đường, bầu hậu tộc... và có sự chứng kiến của các thành viên trong họ. Đến nay, bia gia tộc vẫn còn số lượng khá lớn, chiếm tỷ lệ đáng kể trong hệ thống bia đá ở Việt Nam. Việc nghiên cứu loại văn bia này sẽ rất có ích cho việc tìm hiểu về: Tộc ước, gia phả, những người đỗ đạt... của các dòng họ Việt Nam. Trên cơ sở tổng hợp, thống kê các số liệu về thác bản bia hiện có ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm (Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam), bài viết tập trung phân tích nét đặc sắc của văn hóa gia tộc qua các bia gia tộc ở Việt Nam theo các chủ đề chính: Bia ghi về nhà thờ họ, bia ghi gia phả dòng họ, bia hậu tộc, bia tộc ước, bia về những người đỗ đạt trong họ.

Từ khóa: Gia tộc, Bia gia tộc, Văn hóa dòng họ, Việt Nam

Abstract: Family stelae has a valuable meaning for each Vietnamese clan. Before 1945, most of the clans owned this type of stelae, which was often erected on the occasion of big events such as the construction of clan ancestral house or the election of descendants in the presence of their members. Nowadays, a large number of these stelae still exist which accounts for a significant proportion of the stone stelae in Vietnam. The study of these stelae shall be greatly useful to understand clan conventions, genealogies or family members who achieved high results in academic exams. Based on documents and data about the stelae inscriptions available at the Institute of Sino-Nom Studies (Vietnam Academy of Social Sciences), the article analyzes the characteristics of the Vietnamese clan culture through stelae inscriptions following the main themes including clan ancestral house, clan genealogy, clan descendants, clan conventions, and clan members who passed the academic exams.

Keywords: Clan, Clan Stelae, Clan Culture, Vietnam

Mở đầu

Bia gia tộc là loại văn bia ghi về các dòng họ, thường được dựng ở từ đường

dòng họ. Nội dung của bia gia tộc ghi về: phát tích dòng họ, gia phả dòng họ, xây dựng từ đường của dòng họ, biểu dương những người đỗ đạt trong dòng họ, điều ước của dòng họ... Bia gia tộc ở Việt Nam hiện nay còn khoảng trên dưới 1.300 tấm,

^(*) ThS., Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;
Email: minhduchn77@gmail.com

thác bản những tấm bia này hiện nay chủ yếu do Viện Nghiên cứu Hán Nôm (Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam) lưu giữ. Về hình thức kiểu dáng, bia gia tộc chủ yếu có hình dẹt, đa phần là bia có 1 đến 2 mặt, cũng có những bia có 3 hoặc 4 mặt. Loại bia hình dẹt có ưu điểm là dễ gọt đẽo và khắc chữ. Hoa văn trang trí trên bia gia tộc cũng khá đơn giản, do số lượng văn bia chủ yếu là bia thời Nguyễn: Trán bia thường chạm hình rồng, mặt trời, mây; diềm bia chạm hoa văn hoa lá. Hình thức trang trí này cũng giống như những loại hình bia khác cùng thời. Bia gia tộc có điểm đặc biệt so với các loại hình bia khác, đó là khá nhiều tác giả là con cháu trong dòng họ soạn với mong muốn đóng góp một phần công sức vào việc dựng bia ở từ đường để tỏ lòng thành kính đối với tổ tiên, ví dụ như: Tống Duy Tân soạn bia *Thiên tu từ đường bi kí* cho dòng họ Tống ở huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa; Phạm Tông Tiên soạn bia *Nga Sơn Thạch Gian hậu trạch Phạm tộc bi chí* ở huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa,...

Ở Việt Nam, bia gia tộc phần lớn nằm ở các dòng họ thuộc hơn 20 tỉnh/thành trên cả nước như: Hà Nội, Nam Định, Hà Nam, Quảng Ninh, Hải Dương, Thái Bình, Thanh Hóa, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hưng Yên, Ninh Bình, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Hải Phòng, Hà Tĩnh, Thái Nguyên, Huế, Quảng Nam... Trong đó có khoảng 50 dòng họ có thác bản bia gia tộc còn được lưu giữ ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm, đó là: họ Phạm ở Thái Bình; họ Lê ở Thanh Hóa; họ Trần, họ Đỗ, họ Bùi, họ Lâm, họ Đinh ở Nam Định; họ Trương, họ Mai ở Nghệ An; họ Vũ, họ Ngô ở Quảng Ninh; họ Trịnh, họ Kiều, họ Lương, họ Phan, họ Đào ở Hà Nội; họ Nguyễn ở Bắc Ninh; họ Đặng ở Hải

Dương, họ Dương ở Ninh Bình,...; trong đó, các bản thác bản bia của họ Nguyễn còn được lưu giữ nhiều nhất, khoảng trên dưới 550 bia, điều này cũng dễ hiểu bởi họ Nguyễn là dòng họ đông nhất ở Việt Nam và có rất nhiều chi nhánh. Bia gia tộc không chỉ có giá trị đối với dòng họ sở hữu tấm bia đó, mà nó còn có nhiều giá trị về văn hóa, lịch sử, khảo cổ, đạo đức, giáo dục...

1. Bia ghi về nhà thờ họ

Nhà thờ họ là nơi thờ cúng tổ tiên của dòng họ, nơi mà các thành viên trong họ đều hướng về vào những ngày lễ tết hoặc ngày giỗ tổ tiên, vì thế nhà thờ họ rất quan trọng đối với bất kỳ dòng họ nào. Ước tính có khoảng 400 bia ghi về nhà thờ họ, thuộc các tỉnh: Nam Định, Hà Nam, Nghệ An, Quảng Ninh, Hà Nội, Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình, Ninh Bình, Hà Tĩnh, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Thừa Thiên Huế..., trong đó Hà Nội và Thanh Hóa là hai địa phương có nhiều bia nhất (lần lượt là 50 và 38 bia). Bia nhà thờ họ chủ yếu có niên đại vào thời Nguyễn (hơn 90%), còn lại là vào thời Lê trung hưng và Tây Sơn. Trước đây, ở các dòng họ đa phần đều có bia ghi về nhà thờ họ, nhưng do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan như chiến tranh, mờ mông... cho nên không ít bia ghi về nhà thờ họ đã bị thất lạc hoặc mất mát. Các dòng họ có nhiều bia về nhà thờ họ được lưu giữ gồm có: họ Nguyễn, họ Hứa ở Hải Dương; họ Lê, họ Trương, họ Vũ, họ Tống, họ Phan ở Thanh Hóa; họ Trần ở Vĩnh Phúc; họ Đặng, họ Hoàng, họ Đào, họ Doãn, họ Mạc ở Hà Nội; họ Bùi, họ Đinh ở Hà Tĩnh; họ Mai, họ Phạm ở Thái Bình; họ Ngô ở Bắc Ninh; họ Đoàn ở Bắc Giang,... Về nội dung, bia nhà thờ họ chủ yếu ghi về việc xây dựng và sửa chữa nhà thờ họ. Bia *Thiên tu từ đường bi kí* ở nhà thờ họ Tống thuộc huyện

Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa do tiến sĩ Tống Duy Tân soạn ghi rằng: “Từ đường là nơi thủy tổ ở, mãi mãi không đổi, đời đời là nơi cúng tế theo nghi thức của dòng tộc. Từ Phố Giang vào thời họ Trịnh thì bắt đầu có họ ta, từ thời thủy tổ đã có từ đường đến nay đã lâu vậy. Từ đường cũ ở Ngõ Thị trải qua lâu năm nên bị suy yếu. Dòng tộc mưu tính di dời từ đường đi chỗ khác nên mua 1 khu đất 1 sào 9 thước ở xứ Ngõ Miếu để xây dựng 3 gian, tọa Bình hướng Nhâm, mái lợp ngói, ở giữa yên ổn. Thần vị của thủy tổ khảo và thủy tổ ti là để tôn kính tổ tiên, gian bên phải thờ Tống công Vân Kiều hầu, gian bên trái thờ Tống công Toàn Phú hầu, thật là quý hiển! Các ban còn lại là để cúng tế. Giữa mùa Xuân khởi công, đến giữa mùa Hạ thì hoàn thành” [năm soạn: 1881, ký hiệu¹: 48354]. Cuối văn bia ghi: “Cháu đời thứ 14 là Tống Duy Tân vâng soạn”. Văn bia trên cung cấp thêm thông tin: Dòng họ Tống ở xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Lộc có gốc gác ở huyện Phố Giang và tiến sĩ Tống Duy Tân là hậu duệ đời thứ 14 của dòng họ. Nội dung văn bia cho biết nhà thờ họ Tống ở huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa có từ thời thủy tổ, tức là thời nhà Trịnh (1545-1787), đây cũng là chi tiết rất quan trọng trong việc tìm hiểu, nghiên cứu về dòng họ Tống nơi đây. Đối với dòng họ, từ đường rất thiêng liêng vì đây là nơi hội tụ linh khí của tổ tiên và là nơi tập trung của cả dòng họ. Vì vậy, nhiều thành viên trong dòng tộc qua nhiều thế hệ đều cố gắng phấn đấu để xây dựng nhà thờ họ khang trang, vững chắc. Điều này tạo nên sự gắn bó, đoàn kết trong dòng họ cũng như sức mạnh tập thể của tất cả các thành viên. Các thế hệ ông cha đi trước bắt

đầu xây dựng, rồi truyền cảm hứng cho con cháu đời sau trong dòng họ thực hiện giấc mơ đó.

2. Bia ghi gia phả dòng họ

Bia gia phả là loại bia rất quan trọng ở các dòng họ. Ước tính có khoảng 200 bia ghi về gia phả. Hầu hết các dòng họ đều có bia gia phả như: họ Nguyễn, họ Trịnh, họ Trương, họ Đoàn ở Hà Nội; họ Phạm, họ Đặng ở Hải Dương; họ Hoàng, họ Đỗ, họ Mai, họ Hà ở Bắc Ninh, họ Lê ở Thanh Hóa; họ Bùi ở Hưng Yên..., trong đó họ Nguyễn còn lưu giữ được nhiều bia nhất (hơn 30 bia). Loại văn bia này phân bố chủ yếu ở các tỉnh đồng bằng Bắc bộ và Bắc Trung bộ như: Hà Nội, Hải Dương, Hưng Yên, Nam Định, Thanh Hóa, Nghệ An, Thái Bình, Ninh Bình, Bắc Ninh, Bắc Giang, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Hà Tĩnh, Hải Phòng².

Bia ghi về gia phả dòng họ là loại văn bia quan trọng trong hệ thống bia gia tộc ở tất cả các dòng họ, từ bình dân đến quan lại, thậm chí cả trong hoàng tộc. Bia ghi về gia phả dòng họ khắc trên đá có ưu điểm là bền vững hơn loại gia phả được viết trên giấy dó, nếu được bảo quản tốt có thể tồn tại đến hàng nghìn năm, thậm chí hơn nghìn năm. Loại bia này thường truyền tải lại những thông tin về lai lịch gốc gác, ngày giỗ, phân

¹ Ký hiệu tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

² Nghiên cứu và giới thiệu về bia gia phả ở Việt Nam có các bài viết đáng chú ý như: Trương Thị Thủy (2007), “Bài ký về từ đường gia môn họ Trịnh ở An Chân Bái Khê”, trong: Viện Nghiên cứu Hán Nôm (2008), *Thông báo Hán Nôm học năm 2007*; Nguyễn Huy Thúc (1989), “Phả ghi trên đá của dòng họ Ngô ở Đông Đô”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 1; Mai Hồng (1988), “Lê Sao và dòng họ của ông qua tấm bia từ đường họ Lê ở Phạm Xá, Đình Xá, Bình Lục - Hà Nam”, trong: Viện Nghiên cứu Hán Nôm (1988), *Thông báo Hán Nôm học năm 1988*; Hoàng Lê (2000), “Thêm một tấm gia phả khắc trên đá”, trong: Viện Nghiên cứu Hán Nôm (2000), *Thông báo Hán Nôm học 2000*;...

mộ, công lao của tổ tiên cho con cháu đời sau. Đối với những người trong dòng họ, bia gia phả của dòng họ mình rất quan trọng, thậm chí còn quan trọng hơn các loại hình bia khác, bởi vì thông qua những tấm bia này họ có thể tìm lại được nguồn gốc của mình, biết rõ hơn công lao của tổ tiên, thậm chí là những lời giáo huấn dạy bảo quý báu của tổ tiên.

Bia *Lê thị phả hệ huân nghiệp bi kí* ở nhà thờ họ Lê Sĩ thuộc xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa được soạn vào năm Cảnh Hưng 25 (1704) là tấm bia ghi về gia phả có niên đại khá sớm. Nội dung bia ghi về gia đình, quá trình học tập, đỗ đạt, làm quan của cha con Tiến sĩ Lê Nhân Triệt và Tiến sĩ Lê Sĩ Cẩn [năm soạn: 1704, ký hiệu: 55644-55647]. Tấm bia này cung cấp nhiều thông tin về dòng họ Lê nổi tiếng ở huyện Nông Cống, về lai lịch, gốc gác và tiểu sử của Lê Nhân Triệt và Lê Sĩ Cẩn, đặc biệt là năm mất của Tiến sĩ Lê Nhân Triệt mà những tài liệu khác không ghi chép được. Bia ghi ông mất vào năm Bính Dần, tức là năm 1686, như vậy ông thọ 74 tuổi.

Bia *Trần tộc bi kí* ở nhà thờ họ Trần thuộc huyện Đan Phượng, Hà Nội cung cấp khá nhiều thông tin, đặc biệt là thông tin họ Trần này xuất phát vốn là họ Nguyễn. Đến tổ ba đời trước thì dòng họ có bốn vị mang họ Trần và một vị mang họ Nguyễn, từ đó dẫn đến các đời tiếp theo (từ tổ ba đời trước trở về sau) đều mang họ Trần. Trong số các vị tổ ba đời trước có Trần Danh Tiêu tự Phác Nhã hiệu Cổ Trai tiên sinh, đỗ Tiến sĩ khoa Quý Sửu niên hiệu Long Đức thứ 2 (1733) [ký hiệu: 1271/1297/1298]. Như vậy, qua bia này có thể thấy một số điểm đặc biệt. Thứ nhất là dòng họ Trần này có xuất thân là họ

Nguyễn, từ tổ tám đời trước đến tổ bốn đời trước đều mang họ Nguyễn, chỉ từ tổ ba đời trước trở về sau mới đổi sang họ Trần. Thứ hai là dòng họ Trần ở huyện Đan Phượng là dòng họ của Tiến sĩ Trần Danh Tiêu, về tiểu sử và lai lịch của ông đến nay các sách ghi chép đều không đầy đủ, đặc biệt là năm mất và tuổi thọ của ông. Rất may trong văn bia ghi lại ông thọ 72 tuổi. Như vậy dựa vào năm sinh của ông là năm 1709, có thể xác định được năm mất của ông là năm 1781, văn bia cũng ghi rõ ngày mất của ông là ngày mùng 1 tháng 9. Ngoài ra, văn bia cũng bổ sung nhiều chức tước của ông mà các tài liệu khác không đề cập đến. Văn bia cũng cung cấp thêm thông tin về tên họ, ngày giỗ hai bà vợ của ông. Đây là những thông tin rất quan trọng về một nhà khoa bảng của Việt Nam.

Bia *Nguyễn Thám hoa gia phả kí* ở nhà thờ Nguyễn Huy Tự thuộc huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh ghi về gia phả của Thám hoa Nguyễn Huy Oánh. Dòng họ Nguyễn này vốn sinh ra ở quận Trần Lưu, là kẻ sĩ triều Đường nhận lệnh xuống phương Nam. Nội dung bia cung cấp rất nhiều thông tin quý báu về dòng họ Nguyễn nổi tiếng ở huyện Can Lộc như: gốc gác, lai lịch dòng họ, đặc biệt là tiểu sử của Thám hoa Nguyễn Huy Oánh. Văn bia ghi chép đầy đủ về ngày sinh, quá trình học tập, lấy vợ, xây nhà, thi cử đỗ đạt, làm quan, xây cầu lập chợ [năm soạn: 1754, ký hiệu: 56682-56683]. Tấm bia này do chính Nguyễn Huy Oánh soạn, cho nên những thông tin về dòng họ Nguyễn này có độ chân xác rất cao, đây thật sự là bức tranh sống động về vị Thám hoa nổi tiếng này.

Bia ghi về gia phả là loại bia hấp dẫn, trong văn bia chúng ta gặp khá nhiều các vị khoa bảng nổi tiếng của đất nước.

3. Bia Hậu tộc

Bia Hậu tộc là một loại bia Hậu, nằm trong hệ thống bia bầu Hậu của Việt Nam gồm: bia Hậu phật, bia Hậu thần, bia Hậu hiền, bia Hậu tộc, bia Hậu ngô,... Bia Hậu tộc ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm còn khoảng 120 thạc bản bia. Bia Hậu tộc cũng như các loại bia Hậu khác, xuất phát từ tình cảm tốt đẹp giữa người với người và mang ý nghĩa “đầu đào báo lý”. Bia Hậu tộc có điểm khác là nó chỉ thể hiện sự báo đáp tình cảm diễn ra ở trong một dòng họ cụ thể. Hầu hết các dòng họ ở Việt Nam đều có loại bia này, như các dòng họ: họ Nguyễn họ Trần, họ Đặng, họ Vũ, họ Hà, họ Ngô ở Hải Dương; họ Lê, họ Đoàn ở Thanh Hóa; họ Phạm ở Nam Định; họ Hoàng ở Hưng Yên,... Cũng như bia gia tộc nói chung, bia Hậu tộc phân bố chủ yếu ở các tỉnh Bắc bộ và Bắc Trung bộ, trong đó các tỉnh có nhiều bia Hậu tộc nhất là Hà Nội (33 bia) và Hải Dương (30 bia).

Bia Hậu tộc có niên đại chủ yếu vào thời Nguyễn, bia có niên đại sớm nhất là *Trần tộc bi kí* ở từ đường họ Trần, xã Trục Trì, huyện Thanh Lâm, tỉnh Hải Dương, soạn năm Cảnh Hưng 17 (1756) [ký hiệu: 37326-37327]. Có thể nói, bia Hậu tộc manh nha vào thời Lê trung hưng và bùng nổ vào thời Nguyễn, đặc biệt là niên hiệu Bảo Đại (30 bia).

Nội dung bia Hậu tộc phản ánh sự báo đáp giữa những người trong dòng họ qua nhiều thế hệ. Bố cục bia Hậu tộc thường chia ra làm hai phần cụ thể: phần thứ nhất ghi về lý do bầu Hậu, phần thứ hai ghi về thể thức cúng tế Hậu. Người được bầu Hậu có thể là người công đức tiền của hoặc có thể là những người thân của người công đức, việc này do sự thống nhất giữa người công đức và dòng họ. Các quy định thờ

cúng Hậu thường rất rõ ràng, tùy vào dòng họ mà cách thức thờ cúng khác nhau, nhưng tựu trung thì lễ cúng thường có: rượu, thịt, trâu cau, nải chuối, vàng mã. Đây cũng là phương thức thờ cúng cổ truyền của người Việt Nam.

Bia *Hậu tộc bi kí* ở nhà thờ họ Trần, xã Quốc Tuấn, huyện Nam Sách, Hải Dương ghi: “Thường nghe: ‘người trao quả đào, tình báo quả mận’ - nghĩa thí báo báo ở chỗ này chăng? Họ ta vào năm Tân Mùi xây dựng hai gian bái đường, nhu phí tốn kém rất nhiều. Có người phụ nữ trong dòng tộc là Trần Thị Quy, bà là người có hăng tâm xuất của cải 30 đồng bạc giúp đỡ, bà lại xuất 15 đồng giao cho họ để chi dùng. Bản tộc nghĩ đến tấm lòng ấy liền bầu cha mẹ bà làm Hậu, được phối hưởng. Hằng năm vào ngày giỗ, dòng họ lấy vụ ruộng công bán lấy 2 đồng bạc để cúng hai giỗ. Vào Tết Nguyên đán hằng năm hợp tế cùng Vương tướng công, ngày giỗ đều được dự phối ở hai ban tả hữu, có đầy đủ dòng tộc ký kết. Các lễ nghĩa liệt kê ở phía sau, khắc vào đá để truyền mãi. Điều lệ: vào ngày giỗ mua thêm 2 con gà, 1 mâm xôi, 1 vò rượu, 100 tiền giấy. Điều lệ: Tế xong, biếu toàn gia: 1 con gà cùng cau, rượu” [năm soạn: 1931, ký hiệu: 37328-37329]. Ở bia này, phần quy định thờ cúng ghi rõ ràng, cụ thể là cha mẹ bà Trần Thị Quy được bầu làm Hậu, được thờ cúng vào ngày giỗ tết, được hợp tế cùng Vương tướng công, được dự phối ở hai bên phải, trái.

Như vậy, có thể thấy người được bầu Hậu được hưởng quyền lợi và đặc ân rất cao, không phải được cúng lễ đơn thuần mà còn được hợp tế cúng tổ tiên và những người có công với dòng họ. Việc thờ cúng này không chỉ diễn ra trong một vài năm, mà kéo dài đến mãi về sau. Sự việc bầu Hậu này cũng

là một việc quan trọng trong dòng họ cho nên có sự ký kết của cả dòng họ và được lập bia ghi lại để muôn đời không quên. Đây cũng là hình thức tôn vinh những người có công đức đối với dòng họ. Qua đây có thể thấy việc bầu Hậu tộc cũng là một nét đẹp văn hóa của các dòng họ Việt Nam, phù hợp với đạo lý “uống nước nhớ nguồn” của dân tộc ta, và trong chừng mực nào đó nó cũng phản ánh được một phần sinh hoạt đời sống làng xã đương thời. Bia Hậu tộc cũng có sức hấp dẫn riêng bởi tính thiết thực và nhân văn của nó.

4. Bia tộc ước

Tộc ước là những quy định của dòng họ về một số vấn đề chung trong dòng họ và chỉ có giá trị trong mỗi dòng họ nhất định. Tộc ước là do dòng họ tự đặt ra, mỗi dòng họ có một tộc ước riêng. Tộc ước không phải là pháp luật của nhà nước, nhưng trong dòng họ nó cũng mang tính chế tài nhất định: ai có công thì thưởng, có tội thì phạt, những quy định về cúng tế và những quy định liên quan đến việc của dòng họ¹. Ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm còn lưu giữ thác bản của khoảng 70 bia ghi về tộc ước, đây là con số không nhiều nhưng cũng đủ để phản ánh những quy định trong các dòng họ của Việt Nam. Bia tộc ước chủ yếu tập trung ở khu vực Bắc bộ và Bắc Trung bộ, trong đó các tỉnh có nhiều bia nhất là Hà Nội (19 bia) và Hải Dương (7 bia).

¹ Nghiên cứu về bia tộc ước có các bài viết đáng chú ý như: Nguyễn Kim Hoa (1999), “Điều ước dòng họ trong một số văn bia từ đường huyện Kiến Thụy”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 2; Mai Thu Quỳnh (2018), “Vấn đề tài sản chung trong đời sống dòng họ người Việt thời Lê - Nguyễn thể hiện qua tộc ước ghi trên đá”, trong: Viện Nghiên cứu Hán Nôm (2018), *Nghiên cứu Hán Nôm năm 2018*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.

Bia *Vũ tộc thứ chi bi kí* ở nhà thờ họ Vũ, thôn Cam Đông, xã Việt Hưng, huyện Kim Thành, Hải Dương ghi:

“Điều lệ: ngày 12 tháng 2 hằng năm kính tế tiên tổ và tộc thuộc, các tiên linh như tham dự, không câu nệ nam hay nữ trong hay ngoài đều xuất 5 mạch tiền trả nợ. Đến ngày làm lễ thì thu tiền lãi, mua lễ không được thiếu. Bản tộc cùng đến quét mộ. Nay lệ.

Điều lệ: tiên linh phối hưởng, mỗi người xuất 3 quan tiền. Đến ngày tế bày biện 1 mâm cỗ tới từ đường làm lễ. Nay lệ.

Điều lệ: lúc sống thì mỗi người dự phối phải xuất 1 sào ruộng giao cho dòng họ thay nhau canh tác, đến ngày tế mỗi sào lấy 30 bát gạo để làm cơm. Tế xong, biếu thịt lợn thưởng cho những người có hậu tâm. Nay lệ.

Điều lệ: bản tộc tu tạo đồ khí tế để phụng thờ, do lâu ngày bị hỏng các đồ dùng trong tông miếu, bản tộc cùng sửa lại. Nay lệ.

Điều lệ: trong dòng họ sinh con gái với lấy chồng, thì thu lệ 1 thủ lợn, 1 mâm cau 10 quả, 3 nai rượu cùng đến đặt ở từ đường làm lễ. Nay lệ.

Điều lệ: người nào trong dòng họ mất, đến ngày 12 tháng 2 kính tế tiên tổ thì bản tộc làm lễ viếng một mâm cỗ. Nay lệ” [năm soạn: 1867, ký hiệu: 41516-41518].

Tám bia này quy định về các ngày: cúng tế tiên tổ, quét mộ, tu sửa đồ tế khí, viếng người mất.

Những việc được ghi trong bia tộc ước là những việc làm thiết thực mang ý nghĩa tưởng nhớ đến tổ tiên và người đã khuất trong dòng họ, những quy ước này mang tính nhân văn sâu sắc. Việc quan tâm đến tổ tiên là nét đẹp văn hóa của người Việt Nam, xuất phát từ tình cảm yêu mến

những người trong họ. Loại bia này tuy khởi điểm có ảnh hưởng của Khổng giáo, nhưng về sau có sự phát triển mang tính đặc trưng riêng của các dòng họ Việt Nam. Tộc ước là những quy định chung trong dòng họ, nó cũng rất cần thiết để duy trì sự ổn định bền vững và phát triển của dòng họ. Mặc dù có quan điểm cho rằng những điều lệ trong dòng họ sẽ ràng buộc và kìm hãm sự phát triển của các thành viên trong dòng họ, nhưng không hẳn thế, xét dưới góc độ tích cực thì chính những quy định, điều ước này sẽ thúc đẩy sự phát triển của dòng họ và các thành viên trong dòng họ, để họ sống tích cực hơn, có trách nhiệm hơn đối với dòng tộc và xã hội. Ngoài ra, những tộc ước này cũng góp phần vào sự ổn định của văn hóa làng xã Việt Nam trong vài thế kỷ.

5. Bia ghi về những người đỗ đạt

Bia dòng họ ghi về những người đỗ đạt là loại bia chứa đựng nhiều thông tin hấp dẫn, giá trị. Nội dung văn bia ghi về những người đỗ đạt trong dòng họ, trong đó có nhiều nhà khoa bảng nổi tiếng. Có khoảng 40 bia gia tộc ghi về chủ đề này.

Bia *Mai học sĩ từ đường bi kí* đặt ở từ đường Mai Anh Tuấn, thôn Hậu Trạch, xã Nga Trạch, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Nội dung tấm bia ca ngợi tài năng của Thám hoa Mai Anh Tuấn: đỗ Thám hoa đứng hàng Tam khôi của bản triều, là sĩ đại phu có tài ở trên đời, là vật báu của thiên hạ [năm soạn: 1867, ký hiệu: 47308-47309].

Bia *Nguyễn tộc Thám hoa công từ bi kí* ở thành phố Thanh Hóa ghi việc ca ngợi Thám hoa triều Lê là Nguyễn Thế Khanh là bậc “thiên cổ vĩ nhân”, giỏi văn học từ nhỏ. Theo những thông tin trên bia: Ông đỗ Thám hoa khoa thi năm Đinh Sửu, làm quan đến Tả Thị lang Bộ lễ. Mùa Đông

năm ấy viên sắc kỳ mục trong bản tộc trùng tu lại từ đường, mọi người xuất của cải để xây dựng từ đường ba gian, mái lợp ngói để cúng tế thủy tổ cùng tổ tiên, Tướng công được tế ở giữa [ký hiệu: 17736].

Hai tấm bia trên cung cấp thêm nhiều thông tin quý báu về hai vị Thám hoa Mai Anh Tuấn và Thám hoa Nguyễn Thế Khanh ở tỉnh Thanh Hóa, khẳng định tên tuổi và tài năng xuất chúng của các vị, vì vậy rất có giá trị trong việc tìm hiểu, nghiên cứu về cuộc đời, sự nghiệp của hai vị Thám hoa này.

Ở Việt Nam còn có dòng họ đỗ đạt mà gốc gác ở nơi khác đến cũng rất đáng lưu tâm. Bia *Nga Sơn thạch giản hậu trạch Phạm tộc bi chí* ở nhà thờ họ Phạm, thôn Hậu Trạch, xã Nga Trạch, huyện Nga Sơn ghi về gia phả họ Phạm, có đoạn viết: “Họ Phạm trước đây là người Tô Châu. Từ triều Lý xuống phương Nam, lấy văn học mà yên định ở Thạch Tuyên huyện Nga Sơn, đến nay đã được hơn 1.000 năm. Thủy tổ tự là Huyền Khoa, hiệu Phụng Sơn, mộ chôn ở bản thôn, đúng huyệt thiên mã phúc đậu sơn mảo hướng, giỗ ngày 15 tháng 2. Cụ bà là Lê Thị hiệu Diệu Từ giỗ ngày 12 tháng 2. Tổ trúng khoa Bác sĩ triều Lý, làm Học sĩ ở Viện Hàn lâm, thụy là Chính Thuận. Tổ trúng khoa Bác sĩ triều Lý, làm Quốc tử giám Tế tửu, thụy là Ý Đức. Tổ thi Đại học sinh triều Lý trúng cách, Sĩ chí, làm Học sĩ ở Viện Hàn lâm, thụy là Huệ Trung. Tổ được sắc thụ làm Tổng quản triều Lý, Thượng tướng quân, tước Toán Nham hầu, thụy là Phúc Trục...” [năm soạn: 1909, ký hiệu: 47312-47313]. Tấm bia trên cho thấy lai lịch, gốc gác của dòng họ Phạm ở xã Nga Trạch, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Dòng họ này có nguồn gốc ở Tô Châu, là dòng họ giỏi về văn học, có nhiều người đỗ

đạt và làm quan trong các triều đại phong kiến ở Việt Nam như: Lý, Trần, Lê. Viện Hàn lâm và Quốc Tử Giám là hai cơ quan học thuật rất được trọng vọng, có trọng trách đào tạo nhân tài cho quốc gia. Việc tuyển lựa những người vào làm ở hai nơi này rất nghiêm ngặt, họ Phạm có hai người được chọn lựa làm quan ở Viện Hàn lâm và một người làm quan ở Quốc Tử Giám chứng tỏ đây là một dòng họ có nhiều nhân tài, có truyền thống học thuật. Nhưng vì sao họ Phạm ở Tô Châu lại di cư đến huyện Nga Sơn? Câu hỏi này chúng tôi vẫn chưa thể giải đáp do chưa đủ những cứ liệu xác thực. Nhưng dù họ xuống phía Nam với lý do gì thì cũng không thể phủ nhận việc họ có công với các triều đại phong kiến của Việt Nam, trải qua các triều đại họ đều có người đỗ đạt và làm quan: 8 người làm quan triều Lý, 3 người làm quan thời Trần, 4 người làm quan triều Lê. Việc họ Phạm từ Tô Châu đến định cư ở huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa vào thời Lý, tham gia các kỳ thi, đỗ đạt làm quan dưới triều Lý cho thấy chính sách dùng người của triều Lý khá cởi mở, họ sẵn sàng tiếp nhận, trọng dụng người nước ngoài, miễn là những người ấy có khả năng, có thể phục vụ đất nước. Về địa danh Tô Châu, hiện nay có hai nơi: Một là thành phố Tô Châu thuộc tỉnh Giang Tô của Trung Quốc, hai là phường Tô Châu thuộc thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang thuộc Việt Nam (vào thời Lý thuộc nước Chân Lạp). Nhưng thị xã Hà Tiên ở Việt Nam chỉ được hình thành vào giữa thế kỷ XVII do Mạc Cửu¹ khai khẩn và tên gọi Hà Tiên cũng do Mạc Cửu đặt ra, vì thế nên chúng

tôi suy đoán địa danh Tô Châu ở Hà Tiên cũng chỉ có tên gọi sớm nhất là vào giữa thế kỷ XVII. Nhưng theo nội dung trong văn bia thì họ Phạm từ Tô Châu đã đến huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa vào thời Lý (thế kỷ XI-XIII), vì thế chúng tôi cho rằng địa danh này là thành phố Tô Châu thuộc tỉnh Giang Tô, Trung Quốc ngày nay. Ở cuối văn bia trên ghi: “Nguyên ngự Cai tổng, Đăng tá Sĩ lang, được ban thụy Cung Phác là Phạm Ngọc Diễm cúng 1 mặt bia đá. Đốc công là Hương chính Phạm Hữu Bằng. Thí sinh Phạm [Tống] Tiền cung kính soạn. Thí sinh Phạm Kim Cúc cung kính viết. Kỳ lão Phạm Gia Chỉ cung kính khắc”. Điều này cho thấy cho đến thời Nguyễn, cụ thể là năm Duy Tân 3 (1909) con cháu họ Phạm ở xã Nga Thạch, huyện Nga Sơn vẫn theo dòng phái văn học, theo con đường khoa cử và vẫn có những người làm quan. Có thể nói, trong suốt hơn nghìn năm, trải qua nhiều triều đại, biến cố thăng trầm của lịch sử thì dòng họ Phạm gốc Tô Châu vẫn giữ được dòng mạch của mình, đó cũng là điều hiếm có. Nếu những thông tin trên văn bia được kiểm chứng chính xác thì đây là sự đóng góp lớn của bia gia tộc, nó làm lộ diện một dòng họ khoa bảng quan trọng ở tỉnh Thanh Hóa.

Kết luận

Bia gia tộc là một đề tài quan trọng trong văn hóa Việt Nam, chứa đựng những thông tin và giá trị quan trọng liên quan đến văn hóa gia tộc. Bởi vì, dù ở đâu và bất cứ khi nào thì ý thức về nguồn cội tổ tiên cũng ăn sâu vào tâm trí, ngấm trong máu thịt mỗi người dân Việt Nam. Ý thức về nguồn cội trước hết được thể hiện rất rõ trong việc thờ cúng tổ tiên dòng tộc. Ngày giỗ tổ ở nhà thờ họ cùng những mối quan hệ khăng khít đời thường giữa những người cùng gia tộc,

¹ Mạc Cửu hay Mạc Kính Cửu (1655-1735) là một thương gia người Hoa, có công khai phá hình thành vùng đất Hà Tiên (Kiên Giang) vào khoảng thế kỷ XVII và đầu thế kỷ XVIII ở Việt Nam.

dòng họ và những sinh hoạt cộng đồng giúp mọi người xích lại gần nhau hơn, thắt chặt tình cảm và nâng cao tinh thần tương thân, tương ái. Quan hệ gia đình và gia tộc là nhân tố quan trọng góp phần hình thành và phát triển nhân cách của các cá nhân trong xã hội. Bia dòng họ và văn hóa gia tộc góp phần tạo lên nền văn hiến dân tộc, và ở phương diện nào đó cũng góp phần tạo dựng, nuôi dưỡng bản sắc văn hóa Việt Nam □

Tài liệu tham khảo

1. *Hậu tộc bi kí* 後族碑記, ký hiệu: 32025 (Viện Nghiên cứu Hán Nôm).
2. *Hậu tộc bi kí* 後族碑記, ký hiệu: 37328-37329 (Viện Nghiên cứu Hán Nôm).
3. *Mai học sĩ từ đường bi kí* 梅學士祠堂碑記, ký hiệu: 47308-47309 (Viện Nghiên cứu Hán Nôm).
4. *Lê thị phả hệ huân nghiệp bi kí* 黎氏譜系勳業碑記, ký hiệu: 55644-55647 (Viện Nghiên cứu Hán Nôm).
5. *Thiên tu từ đường bi kí* 遷修祠堂碑記, ký hiệu: 48354 (Viện Nghiên cứu Hán Nôm).
6. *Trần tộc từ đường bi kí* 陳族祠堂碑記, ký hiệu: 9782-9783 (Viện Nghiên cứu Hán Nôm).
7. *Trần tộc bi kí* 陳族碑記, ký hiệu: 1271/1297/1298 (Viện Nghiên cứu Hán Nôm).
8. *Nguyễn Thám hoa gia phả kí* 阮探花家譜記, ký hiệu: 55682-55683 (Viện Nghiên cứu Hán Nôm).
9. *Vũ tộc thứ chi bi kí* 武族次支碑記, ký hiệu: 41516-41518 (Viện Nghiên cứu Hán Nôm).
10. *Nguyễn tộc Thám hoa công từ bi kí* 阮族探花公祠碑記, ký hiệu: 17736 (Viện Nghiên cứu Hán Nôm).
11. *Nga Sơn thạch giản hậu trạch Phạm tộc bi chí* 峨山石澗厚澤范族碑誌, ký hiệu: 47312-47313 (Viện Nghiên cứu Hán Nôm).